

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-PT

Ngày: 29-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng D, sinh năm 1985

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1974

Ông Hồ M, sinh năm 1966

Tất cả cùng địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M.

Những người tham gia tố tụng có mặt bà Lê Thị Hồng D, bà Nguyễn Thị S; vắng mặt ông Hồ M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng D trình bày: Ngày 21/11/2017, bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M có vay của bà 80.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 20%/năm,

hẹn đến ngày 21/12/2017 sẽ trả hết gốc và lãi. Hai bên có lập giấy vay tiền ngày 21/11/2017.

Từ khi vay đến nay, bà đã đòi nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M không chịu trả tiền. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M phải trả số tiền gốc 80.000.000đồng và lãi suất theo quy định gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi của lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M trả số tiền gốc 80.000.000đồng và lãi suất 20%/năm từ ngày 21/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/6/2021).

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/01/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà S có vay của bà Lê Thị Hồng D số tiền 50.000.000đồng, sau đó gia đình gặp khó khăn nên vay thêm 30.000.000đồng. Tổng nợ là 80.000.000đồng. Bà và chồng là ông Hồ M có ký giấy vay. Sau đó, mỗi ngày bà đóng tiền lãi 400.000đồng. Đóng tiền lãi hơn 01 (một) năm khoảng 150.000.000đồng, sau đó không trả nữa. Bà có sang nhượng 04 lô chợ cho bà D để khấu trừ số tiền gốc 80.000.000đồng. Hiện bà không còn nợ gốc, chỉ nợ tiền lãi 60.000.000đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S xác nhận bà và ông M có vay của bà Lê Thị Hồng D số tiền 80.000.000đồng vào năm 2017. Trả lãi được hơn 01 năm thì hai bên thống nhất sang nhượng 04 lô chợ cho bà D để khấu trừ tiền đã vay, là hết nợ. Bà không đồng ý trả tiền cho bà D. Bà S cung cấp 01 hợp đồng thuê lại điểm kinh doanh tại chợ Tân Đức ngày 02/7/2018, có xác nhận của UBND xã Tân Đức (bản sao y có chứng thực) và 01 tấm hình có ghi chữ đỏ Phan Vĩnh An cho rằng đây là người làm chứng trong vụ án.

Đối với ông Hồ M là chồng bà Nguyễn Thị S được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ để tiến hành lấy lời khai, hòa giải nhưng ông không có mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng D. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M phải liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng D số tiền 137.511.000đồng, trong đó: tiền gốc 80.000.000đồng; tiền lãi 57.511.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/7/2021, bà Nguyễn Thị S kháng cáo; Ngày 08/7/2021, ông Hồ M kháng cáo không đồng ý bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị S giữ nguyên kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng D đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn ông Hồ M là người kháng cáo, Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hồ M.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hồ M là người kháng cáo, đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt, nên Kiểm sát viên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hồ M là đúng quy định tại khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng D và kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với số tiền gốc:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Nguyễn Thị S đều thống nhất thừa nhận vợ chồng bà có vay của bà Lê Thị Hồng D 80.000.000đồng, hai bên có viết “giấy mượn tiền” đề ngày 21/11/2017, chữ ký và chữ viết họ tên người vay tiền trong giấy này là của vợ chồng bà.

Tuy nhiên, bà S cho rằng đã trả lãi cho bà D 400.000đồng/ngày, tổng tiền lãi đã trả được 150.000.000đồng, còn số tiền vay gốc, vợ chồng bà đã trả bằng cách cân trừ 4 lô chợ tại chợ Tân Đức. Bà S khai đã trả lãi và gốc, nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình, chỉ cung cấp bản “Hợp đồng thuê lại điểm kinh doanh tại chợ Tân Đức” ngày 02/7/2018, nội dung thể hiện bà Lê Thị Hồng D thuê lại của bà Nguyễn Thị S 02 lô số 11 và 12 khu B tại chợ Tân Đức, với giá tiền thuê 50.000.000đồng, phương thức thanh toán: bằng tiền mặt ngay sau khi ký hợp đồng.

“Hợp đồng thuê lại điểm kinh doanh tại chợ Tân Đức” nêu trên không có điều khoản nào thể hiện việc cân trừ nợ như lời khai của bà S, việc này nguyên đơn bà Lê Thị Hồng D cũng không thừa nhận.

Do đó, không có căn cứ xác định vợ chồng bà S, ông M đã trả hết tiền vay gốc cho bà D, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà S, ông M trả cho bà D 80.000.000đồng tiền vay gốc còn thiếu là hoàn toàn có cơ sở.

[2.2] Đối với khoản tiền lãi:

Bà Lê Thị Hồng D chỉ yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M trả lãi trên số nợ gốc 80.000.000đồng, với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 21/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/6/2021), yêu cầu này hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận của hai bên thể hiện tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 21/11/2017 mà hai bên đã ký, đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và có lợi cho bị đơn, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà D là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Từ nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S là không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

[4.1] Do bị đơn ông Hồ M vắng mặt lần thứ hai, Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Hồ M nên tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4.2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 312, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn ông Hồ M.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị S; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

Áp dụng: Các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hồng D: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M liên đới trả cho bà Lê Thị Hồng D 137.511.000đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm mười một nghìn đồng*); trong đó: tiền gốc 80.000.000đồng, tiền lãi 57.511.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Bà Lê Thị Hồng D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Lê Thị Hồng D số tiền 3.800.000đồng (*Ba triệu, tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 009390 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

- Buộc bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M liên đới chịu 6.875.550đồng (*Sáu triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Nguyễn Thị S, ông Hồ M mỗi người phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0006880, 0006881 cùng ngày 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà Nguyễn Thị S và ông Hồ M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện H.Tân;
- VKSND huyện H.Tân;
- Chi cục THADS huyện H.Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái